TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Công Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Hiệp và ông Bùi Văn Biền.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thực - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà*:** Ông Trịnh Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2026/HSPT ngày 11/02/2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HSST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Ninh Bình; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Nguyễn Thị N, con: Có 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/10/2025 và "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 20/10/2025 đến nay, có mặt.

Người bị hại không kháng cáo: Bà Mã Thị T, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 05/5/2025, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà anh Lã Hữu L1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình; Nguyễn Văn K điều khiển xe mô tô biển số: 90B2 - 329.26 đi về nhà ở thôn B B, xã B. Khi đi đến đoạn đường bê tông liên xã thuộc thôn B B, K đi hướng từ trường THCS B1 đi thôn E H, xã B, do đoạn đường không có đèn chiếu sáng, K không chú ý quan sát nên khi phát hiện phía trước khoảng 04m có chị Mã Thị T và chị Lê Thị T1 đang đi bộ phía trước cùng chiều (chị T1 đi sát lề đường, chị T đi phía ngoài bên trái chị T1), K không kịp bấm còi để báo hiệu chỉ đạp phanh để hãm xe nhưng do khoảng cách gần nên phần đầu xe và cánh yếm bên phải của xe mô tô do K điều khiển đã đâm vào chị T làm chị T ngã về phía trước bị thương được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh H và Bệnh viện H1 để cấp cứu và điều trị.

Vật chứng, tài sản bị thu giữ, tạm giữ gồm: Quá trình khám nghiệm hiện trường đã tạm giữ của Nguyễn Văn K: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM ELEGANT, màu sơn đen, bạc; Nguyễn Văn K đã tự nguyện giao nộp các giấy tờ gồm: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 061733, biển số đăng ký: 90B2-329.26; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy, xe máy điện số 893426557973/XMBB 10; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 350087001406 mang tên Nguyễn Văn K.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường

Hiện trường chung: Vụ tai nạn giao thông xảy ra trên đường X thuộc thôn B B, xã B, mặt đường trải bê tông thẳng và phẳng rộng 4,0m, không có vạch kẻ phân chia làn đường, chiều đường. Hai bên đường là phần bờ kè đá tiếp giáp với mép đường và đều rộng 1,2m. Khu vực xảy ra tai nạn không có đèn cao áp, đèn đường chiếu sáng, mặt đường rải rác có nhiều phân trâu, bò.

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Chọn tâm trụ cổng về phía Trường THCS B1 của nhà ông Nguyễn Thanh B làm điểm mốc. Chọn mép đường bên phải đường xã B theo hướng từ phía Trường THCB1 đi phía thôn E H, xã B làm mép chuẩn. Mô tả theo số thứ tự:

Ký hiệu (1): Vết trượt lốp kích thước (2,1x0,1)m trên mặt đường, vết có hướng từ phía Trường THCS B1 đi thôn E H, xã B, điểm gần nhất đầu vết đo cách mép chuẩn là 1,47m, đo cách điểm mốc theo đường vuông góc về phía Trường THCS B1 15,4m, điểm gần nhất cuối vết đo cách mép chuẩn là 1,1m.

Ký hiệu (2): Vết cày kích thước (4,3x0,01)m trên mặt đường, vết có hướng từ phía Trường THCS B1 đi thôn E H, xã B, điểm đầu vết đo cách mép chuẩn là 1,5m, đo cách điểm đầu vết (1) về phía đi thôn E H, xã B là 2,0m, cuối vết tại vị trí đầu giá để chân trước bên trái của xe mô tô biển số: 90B2 – 329.26 tiếp xúc với mặt đường.

Ký hiệu (3): Tổ hợp vết cày kích thước (2,4x0,2)m trên mặt đường, vết có hướng từ phía Trường THCS B1 đi thôn E H, xã B, điểm gần nhất đầu vết đo cách mép chuẩn là 1,7m, đo cách điểm đầu vết (2) về phía đi thôn E H là 1,8m; cuối vết tại vị trí đầu giá để chân sau bên trái và cạnh ngoài bên trái chân trống giữa của xe mô tô biển số: 90B2 – 329.26 tiếp xúc với mặt đường.

Ký hiệu (4): Vết máu kích thước (0,4x0,3)m trên phần bờ kè đá tiếp giáp với mép chuẩn, tâm vết máu đo cách mép chuẩn là 0,3m, đo vuông góc cách điểm đầu vết (2) về phía đi thôn E H là 1,76m.

Ký hiệu (5): Xe mô tô biển số 90B2 – 329.26 sau tai nạn đổ bên trái trên mặt đường, đầu xe quay vào mép chuẩn, đuôi xe quay ra lòng đường, xe không nổ máy, đèn chiếu sáng phía trước vẫn bật, tâm trục bánh trước và tâm trục bánh sau đo cách mép chuẩn lần lượt là 0,6m và 1,76m; vị trí giá để chân trước bên trái tiếp xúc với mặt đường trùng với điểm cuối vết (2); vị trí đầu giá để chân sau bên trái và cạnh ngoài bên trái chân trống giữa tiếp xúc với mặt đường trùng với điểm cuối tổ hợp vết cày (3).

Ký hiệu (6): Vết máu kích thước (0,4x0,2)m trên mặt đường, tâm vết máu đo cách mép chuẩn là 2,55m, đo vuông góc cách tâm trục bánh sau xe (5) về phía đi thôn E H là 1,25m.

* Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển số 90B2 - 329.26.

- Gương chiếu hậu bên trái bị đẩy xoay quanh ốc bắt giữ, kính gương bám dính vật chất màu xanh (dạng phân trâu, bò). Mặt ngoài vị trí cong theo cấu tạo của cần gương có vết mài sạt trên diện (1,5x0,5)cm hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đá điểm thấp nhất cách mặt đất 98cm.

- Mặt ngoài phần bên trái nhựa ốp phía trước ghi đông mài sạt (6,5×4,5)cm hướng từ phải qua trái, từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đá, điểm thấp nhất cách mặt đất 89cm, mép cuối của vết trùng với cạnh trái ốp nhựa này.

- Mặt trước phần bên trái tay nắm bên trái ghi đông có vết mài sạt hướng từ trái qua phải làm nham nhở cao su, vết có kích thước (2,5x2)cm bề mặt bám dính bụi đá.

- Phần bên phải ốp nhựa phía trước đầu xe bật lệch khỏi chốt hãm bắt giữ tạo khe hở 01cm với ốp nhựa phía sau. Tại mặt ngoài phần bên phải ốp nhựa này để lại vết trượt mất bụi kích thước (18x7,5)cm hướng từ trước về sau, từ trái qua phải, điểm thấp nhất cách mặt đất 94cm, mép cuối vết trượt là cạnh phải của ốp nhựa này đồng thời có vết vỡ, nứt tách nhựa (2x0,2)cm, điểm vỡ cao cách mặt đất 100cm.

- Cụm đèn chiếu sáng phía trước bật lệch khỏi các chốt hãm bắt giữ. Góc phải đeka cụm đèn chiếu sáng để lại vết trượt (6x4)cm hướng từ trái qua phải, từ trước về sau, điểm thấp nhất cách mặt đất 99cm, điểm gần nhất trùng với mép trên bên phải cụm đèn.

- Đầu chắn bùn bánh trước bám dính bụi đất khô mỏng đều. Nửa phải chắn bùn này để lại vết trượt mất bụi kích thước (39x11)cm hướng từ trước về sau, bề mặt mất bụi. Điểm đầu là cạnh trước bên phải đầu chắn bùn và cao cách mặt đất 53cm.

- Mặt trước ốc hãm đầu bên phải trục bánh trước có vết trượt kích thước (2x1,5)cm hướng từ trước về sau, từ trái qua phải, bề mặt mất bụi, điểm thấp nhất cách mặt đất 37cm.

- Đầu trên cánh yếm bên phải bật lệch khỏi khớp nối với mặt nạ tạo khe hở 01cm. Cụm đèn tín hiệu chuyển hướng phía trước bên phải (ở đầu trên cánh yếm này) bị đẩy từ trước về sau, gãy bật rời khỏi các chốt hãm. Mặt ngoài cánh yếm để lại vết trượt mất bụi kích thước (31x14,5)cm hướng từ dưới lên trên, điểm đầu là vị trí mép trước đầu trên cánh yếm tiếp giáp với ốp mặt nạ và cao cách mặt đất 70,5cm. Trên nền vết trượt có vết vỡ, tách nhựa dài 3,5cm ngang cánh yếm, điểm vỡ cách đầu vết trượt 18cm và cao cách mặt đất 81cm.

- Phần bên trái mặt lăn và má trái lốp trước có vết trượt kích thước (62x5)cm hướng từ ngoài vào tâm trục, bề mặt mài sạt cao su, điểm gần nhất cách chân van 48cm, ngược chiều tiến bánh xe.

- Đầu bên trái để chân trước bị mài sạt cao su nham nhở kích thước (4,5x3,5)cm hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đá.

- Mặt ngoài giá để chân sau bên trái bị mài sạt kim loại kích thước (2x1)cm Tin hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đá.

- Mặt ngoài bên trái chân chống chính bị mài sạt kim loại kích thước (1x0,5)cm hướng từ trước về sau, bề mặt bám dính bụi đá.

- Kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống lái, phanh, ga, số, đèn có tác Tdụng. Không có gương chiếu hậu bên phải.

Tại kết luận số 15/KLTgTHS-TTPY ngày 28/8/2025 của trung tâm Pháp y tỉnh N kết luận:

“1. Các kết quả chính: Trên hồ sơ y tế: Kết quả lâm sàng: Vết thương vùng chẩm phải; Vết mổ trán thái dương đỉnh bên trái. Kết quả cận lâm sàng: CT sọ não: Mở xương vùng trán thái dương đỉnh bên trái đường kính D=10,4cm, đã kết hợp xương; Vỡ xương chẩm phải lan vào lỗ lớn dài d=3,9cm. Các ổ giảm tỷ trọng dạng tổn thương cũ thùy trán hai bên, thái dương trái, ổ lớn

nhất KT (3,9 x 1,6)cm. Tụ máu dưới màng cứng vùng trán trái; chảy máu dưới nhện (không còn trên chẩn đoán hình ảnh)...

2. Kết luận: "... Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Mã Thị Thúy Q hồ sơ là 62%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư..."

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số: 132/KLTTCT-TTPY ngày 09/9/2025 của trung tâm Pháp y tỉnh N kết luận:

"1. Các kết quả chính:

Kết quả khám giám định: Sẹo vết mổ trán – đỉnh – thái dương trái; sẹo vết thương chấm phải. Kết quả khám chuyên khoa: Chấn thương: Sẹo vết mổ trấn – đỉnh thái dương trái; sẹo vết thương chẩm phải. Sẹo liền tốt. Thần kinh: Sẹo vết mổ trán – đinh – thái dương trái; sẹo vết thương chẩm phải. Sẹo liền tốt.

Kết quả cận lâm sàng: CT sọ não: Thủy trán trái có tổn thương cũ dịch hóa KT (5,9 x 2,0)cm; mở xương trán – thái dương – đỉnh trái KT (11,5 x 8,9)cm; Vỡ xương chẩm phải lan vào lỗ chẩm dài 5,0cm. Tụ máu dưới màng cứng vùng trán trái; Chảy máu dưới nhện (không còn tổn thương trên chẩn đoán hình ảnh). Điện não đồ: Không có sóng bệnh lý. Kết quả khác: Không có.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Mã Thị T tại thời điểm giám định là 64%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích. Do vật tày trực tiếp gây nên".

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn: Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn đối với Nguyễn Văn K vào hồi 23 giờ 53 phút ngày 05/05/2025 là 137.7mg/dl.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn K đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Mã Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Chị T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

Về hành vi khác: Ngày 05/5/2025, bị cáo Nguyễn Văn K điều khiển mô tô tham gia giao thông đường bộ nhưng không đội mũ bảo hiểm, đã vi phạm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. Phòng C Công an tỉnh N đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HSST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Ninh Bình quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Ngày 19/01/2026 bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn K; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, nội dung bảo đảm theo quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận hành vi của mình đúng như bản án sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 05/5/2025, Nguyễn Văn K (có giấy phép lái xe mô tô hạng A1) điều khiển xe mô tô biển số: 90B2 - 329.26 đi trên đường liên xã thuộc thôn B B, xã B, tỉnh Ninh Bình theo hướng từ Trường THCS B1 đi thôn E H, xã B, khi trong máu có nồng độ cồn là 137,7mg/dl, K không chú ý quan sát, không đảm bảo tốc độ phù hợp, không sử dụng còi để báo hiệu nên không kịp tránh chị Mã Thị T đang đi bộ phía trước cùng chiều, làm phần đầu xe và cánh yếm bên phải của xe mô tô biển số: 90B2 - 329.26 đâm vào chị T làm chị T bị thương tổn hại sức khỏe 64%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn K về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy:

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" là có căn cứ, đúng người, đúng tội; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình đơn trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có con bị tàn tật đây là tình tiết mới cần xem xét cho bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tuy bị cáo có tình tiết mới nêu trên nhưng không làm thay đổi tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Do vậy, đơn kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn K không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K không được chấp nhận nên phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn K; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GĐKT và TT và THA Tòa án tỉnh Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Công Đoàn